TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đông Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Nga.

- Bà Hoàng Thị Len.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn B, xã TT, huyện TT, tỉnh TB.

* *Bị đơn:* Anh **Lâm Văn H**, sinh năm 1985; Đăng ký HKTT: Thôn ĐĐ, xã TQ, huyện TT, tỉnh TB.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.

(Chị Hằng, anh Hải có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/5/2023, Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/6/2023; Nguyên đơn - chị Vũ Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh TB ngày 02/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 4/2017 anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, sau đó anh H hạn chế liên

lạc, thiếu sự quan tâm đối với gia đình, vợ con. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh H đã nhiều lần liên lạc, trao đổi để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả, chị và anh H sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lâm Văn H.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Lâm Văn H có 01 con chung là cháu Lâm Yến N, sinh ngày 25/9/2012, hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về quan hệ tài sản: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc, xin nghỉ khó khăn nên không thể đến Tòa án tham gia tố tụng được, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Tại bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 10/6/2023; Bị đơn - anh Lâm Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn anh H khai phù hợp với lời khai như của chị H đã trình bày. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị Vũ Thị H có 01 con chung là cháu Lâm Yến N, sinh ngày 25/9/2012, hiện nay con N đang ở với chị H. Ly hôn anh đồng ý tạm giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về quan hệ tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên anh không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Toà án, anh có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản của Tòa án, anh ủy quyền cho chị Vũ Thị H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lâm Văn H. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lâm Yến N, sinh ngày 25/9/2012 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Lâm Văn H cấp

dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh Lâm Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng**: Bị đơn anh Lâm Văn H ở nước ngoài (Nhật Bản), căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh TB. Chị H, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh H.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Lâm Văn H kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện TT, tỉnh TB. Sau khi kết hôn, chị H, anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, sau khi anh H đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, do xa cách lâu năm anh H dần thiếu đi sự quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con chung và phát triển kinh tế gia đình. Cả chị H và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh H không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lâm Văn H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H yêu cầu giao con chung cháu Lâm Yến N, sinh ngày 25/9/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy hiện nay chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, việc cháu N ở với chị H đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường; bản thân anh H cũng thể hiện quan điểm nhất trí tin tưởng giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000 đồng/1 tháng; cháu N có nguyện vọng ở với chị H. Vì vậy cần chấp nhận sự thống nhất của các đương sự và nguyện vọng của cháu N, giao cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vũ Thị H và anh Lâm Văn H không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh Lâm Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Lâm Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lâm Yến N, sinh ngày 25/9/2012. Anh Lâm Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị H 2.000.000 đồng/01 tháng, tính từ tháng 7/2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị H, anh H có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005*** ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí. Anh Lâm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Vũ Thị H, anh Lâm Văn H. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- UBND xã TQ, h. TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Vũ Đông Giang